DOI: https://doi.org/10.59294/HIUJS.30.2024.656

Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Trịnh Viết Then
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu, ngoài ra phương pháp phỏng vấn sâu cũng được sử dụng để phân tích kết nghiên cứu, 492 sinh viên tham gia trả lời bảng khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung đông cơ học tập của sinh viên ở mức cao, trong đó động cơ học tập vì cá nhân của sinh viên có mức độ cao nhất, tiếp đến là động cơ học tập liên quan đến gia đình và xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biết về động cơ học tập theo biến nhân khẩu của sinh viên như: Giới tính; Năm học của sinh viên; Kết quả xếp loại hạnh kiểm của sinh viên; Khối ngành sinh viên theo học. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị giúp nâng cao động cơ học tập cho sinh viên.

Từ khóa: *động cơ, học tập, động cơ học tập, động cơ học tập của sinh viên*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm trở lại đây việc nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên đã và đang thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam bởi vì nó được xem là một "chìa khóa vàng" để giúp các nhà giáo dục tiếp cận và khám phá năng lực tiềm tàng của người học [1].

Động cơ học tập là một yếu tố có vai trò quan trọng trong việc định hướng, kích thích hoạt động học tập của sinh viên. Khi bàn về tính chủ thể của hoạt động học, Phạm Minh Hạc (2002) cho rằng "động cơ của người học quyết định kết quả và hiệu quả của hoạt động giáo dục. Học để làm bài kiểm tra khác với học để nhận thức vấn đề, lại càng khác với học để làm người", động cơ học tập có vai trò quyết định trực tiếp đến tính tích cực và hiệu quả học tập của sinh viên. Học tập là hoạt động cơ bản nhất và quan trọng nhất đối với mỗi sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng và hoạt động này chỉ có thể phát huy tác dụng to lớn khi có sự kích thích của động cơ. Theo Piaget động cơ là tất cả các yếu tố thúc đẩy cá thể hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng cho hoạt động đó. Động cơ tồn tại ở hai dạng: động cơ bên trong và động cơ bên ngoài. Động cơ bên trong của mỗi người được hình thành từ sự thích thú đối với hoạt động học tập nhằm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết. Động cơ bên ngoài được hình thành không phải do sự hứng thú của bản thân trong việc học mà là sự hứng thú từ kết quả của việc học tập mang lại (được điểm cao, được khen thưởng, tránh bị phạt, để làm vui lòng ai đó,…). Người có động cơ bên trong mạnh sẽ tích cực tham gia vào quá trình học tập và có sự độc lập trong giải quyết vấn đề, thích điều mới lạ, thích thách thức. Trong khi đó, người có động cơ bên ngoài mạnh khi đạt được mục tiêu thì động cơ dễ bị giảm sút và thường không dám đương đầu với thất bại, với những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp [2, 3].

Theo Nguyễn Thanh Dân và Đoàn Văn Điều (2013), trong giai đoạn đi học, sinh viên thể hiện mục đích cuộc sống qua động cơ học tập của họ. Thực tế cho thấy có một bộ phận không nhỏ sinh viên chưa xác định rõ ràng mục đích học tập để làm gì dẫn đến khả năng học tập của họ có sự phân hóa rõ rệt. Mức độ chủ động trong học tập của sinh viên chưa đồng đều, không ít sinh viên học chỉ để đối phó với thi cử, chưa thật sự quyết tâm trong học tập và chưa chú trọng đúng mức đến kỹ năng thực hành nghề. Điều này có thể ảnh hưởng không tốt đến mục đích cuộc sống của sinh viên và mục tiêu đào tạo của Nhà trường [4].

Kế thừa các quan điểm về động cơ và động cơ học

Tác giả liên hệ: TS. Trịnh Viết Then
Email: thentv@hiu.vn

tập của sinh viên, trong nghiên cứu này chúng tôi coi động cơ học tập của sinh viên là tất cả các yếu tố thúc đẩy sinh viên hoạt động học tập nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng cho hoạt động học tập của sinh viên. Nghiên cứu này đánh giá thực trạng động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng với ba nhóm động cơ gồm: Động cơ học tập vì bản thân của sinh viên, Động cơ học tập vì gia đình của sinh viên, Động cơ học tập vì xã hội của sinh viên. Kết quả nghiên cứu giúp cho các nhà giáo dục xác định rõ động cơ chi phối việc học tập của sinh viên, từ đó kịp thời định hướng động cơ học tập thích hợp cho sinh viên.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu thu thập số liệu sơ cấp được thu thập thông qua hình thức khảo sát bằng bảng câu hỏi đối với sinh viên khối ngành Khoa học kỹ thuật, khối ngành Sức khỏe, khối ngành Khoa học xã hội đang học tập tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Hiện nay, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đã có cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh gồm 12 Khoa/Viện/Bộ môn, đào tạo đầy đủ các bậc học, từ đại học, chuyên khoa cấp 1, thạc sĩ, tiến sĩ của 39 mã ngành đào tạo bậc đại học, 17 mã ngành sau đại học với đội ngũ gồm 700 Bác sỹ, Giáo viên, Nhân viên, quy mô đào tạo trên 12.000 SV đại học, trên 1.000 học viên sau đại học [5]. Mẫu khách thể nghiên cứu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên, kích thước mẫu (n) được tính bằng công thức Slovin (1960): n = N/(1+N*e2), với N là số lượng tổng thể, e là sai số tiêu chuẩn, với độ chính xác của nghiên cứu là 95% (sai số 5%) nên kích thước mẫu trong nghiên cứu này tối thiểu là 396 sinh viên. Thông qua khảo sát và phỏng vấn thử sinh viên về bảng hỏi, tác giả kiểm tra kỹ các biến quan sát không phù hợp đã bị loại bỏ nhằm hoàn thiện bảng câu hỏi. Sau đó, bảng câu hỏi chính thức được gửi đến sinh viên các chuyên ngành khác nhau trong toàn trường qua email để thực hiện khảo sát.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu trên cơ sở chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản thông qua khảo sát trực tuyến bằng công cụ google form. Thời gian thu mẫu được thực hiện trong tháng 3/2024, kết quả thu về 492 phiếu hợp lệ được sử dụng để phân tích kết quả cho bài nghiên cứu. Đặc điểm mẫu nghiên cứu được mô tả ở Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu (N = 492)

STT	Các biến nhân khẩu		Số lượng	TL%
1	Giới tính	1. Nam	173	35.2
		2. Nữ	319	64.8
2	Năm học của sinh viên	1. Năm 1	317	64.4
		2. Năm 2	54	11.0
		3. Năm 3	114	23.2
		4. Năm 4	6	1.2
		5. Năm 5	1	0.2
3	Kết quả học tập của sinh viên	1. Yếu	9	1.8
		2. Trung bình	97	19.7
		3. Khá	255	51.8
		4. Giỏi	93	18.9
		5. Xuất sắc	38	7.7
4	Kết quả xếp loại hạnh kiểm của sinh viên	1. Yếu	24	4.9
		2. Trung bình	55	11.2
		3. Khá	130	26.4
		4. Tốt	198	40.2
		5. Xuất sắc	85	17.3
5	Hoàn cảnh kinh tế gia đình của sinh viên	1. Khó khăn	62	12.6
		2. Trung bình	321	65.2
		3. Khá giả	98	19.9
		4. Giàu có	11	2.2

STT	Các biến nhân khẩu		Số lượng	TL%
6	Nơi sinh ra và lớn lên của sinh viên	1. Nông thôn, miền núi	199	40.4
		2. Thành thị	293	59.6
7	Khối ngành sinh viên theo học	1. Khối ngành khoa học kỹ thuật	90	18.3
		2. Khối ngành sức khỏe	172	35.0
		3. Khối ngành khoa học xã hội	230	46.7

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Bảng hỏi được thiết kế gồm 2 phần, phần thứ nhất thu thập thông tin khách thế nghiên cứu, phần thứ 2 là phần nội dung gồm thang đo thu thập thông tin về động cơ học tập của sinh viên.

Thang đo động cơ học tập của sinh viên được tham khảo từ thang đo của tác giả Nguyễn Thanh Dân và Đoàn Văn Điều nghiên cứu về "Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh" [4] được thiết kế gồm 3 nhóm động cơ gồm: Nhóm Động cơ học tập vì bản thân của sinh viên có 8 item với Cronbach's Alpha = 0.97; Nhóm Động cơ học tập vì gia đình của sinh viên có 5 item, với Cronbach's Alpha = 0.96; Nhóm Động cơ học tập vì xã hội của sinh viên có 7 item với Cronbach's Alpha = 0.98. Mỗi item trong thang đo được thiết kế theo thang likert 5 với 5 mức lựa chọn tương ứng với điểm như sau: 1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 điểm = không đồng ý; 3 điểm = phân vân; 4 điểm = đồng ý; 5 điểm = hoàn toàn đồng ý.

Mức độ của thang đo động cơ học tập: ĐTB = 1.00 – 1.80: Rất thấp; ĐTB = 1.81 – 2.60: Thấp; ĐTB = 2.61 – 3.40: Trung bình; ĐTB = 3.41- 4.20: Cao; 4.21-5.00: Rất cao.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sinh viên để thu thập thông tin phân tích sâu hơn về động cơ học tập của sinh viên. Từ đó, đề xuất khuyến nghị nhằm hình thành động cơ học tập thích hợp cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

2.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả: Trong nghiên cứu này, phương pháp thống kê mô tả (Sternstein, 1996) [6] được sử dụng để mô tả mức độ nhận thức của sinh viên về động cơ học tập. Về các nhóm động cơ và biểu hiện của từng động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Phương pháp thống kê so sánh: được sử dụng để đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng đã được lượng hóa, có nội dung và tính chất tương tự để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu (Smelser, 1976 và Lijphart, 1971) [7, 8]. Phương pháp so sánh cho phép tổng hợp được những điểm chung cũng như tách ra được những nét riêng của các hiện tượng được so sánh, trên cơ sở đó đánh giá được các mặt phát triển hay kém phát triển, hiệu quả hay kém hiệu quả để tìm ra các giải pháp quản lý tối ưu trong mỗi trường hợp cụ thể và so sánh sự khác biệt giữa các hiện tượng, tiêu chí với các biến nhân khâu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mức độ động cơ học tập của sinh viên

Trong nghiên cứu này chúng tôi khảo sát động cơ học tập của sinh viên hướng vào 3 nhóm động cơ: 1) Nhóm động cơ học tập vì bản thân của sinh viên; 2) Nhóm động cơ học tập vì gia đình của sinh viên; 3) Nhóm động cơ học tập vì xã hội của sinh viên. Kết quả khảo sát và phân tích dữ liệu ở Hình 1 cho thấy, nhìn chung động cơ học tập của sinh viên có mức độ cao (ĐTB = 3.95) trong đo nhóm động cơ học tập vì bản thân sinh viên được sinh viên lựa chọn nhiều nhất (ĐTB = 3.97), tiếp đến là Nhóm động cơ học tập vì gia đình của sinh viên (ĐTB = 3.95) và Nhóm động cơ học tập vì xã hội của sinh viên (ĐTB = 3.94). Theo các nhà tâm lý học, cá nhân được coi là chủ thể của hoạt động trong việc hình thành và phát triển tâm lý, ý thức và nhân cách. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đã xác định được các động cơ học tập phù hợp và có mức độ cao hướng vào động cơ cá nhân, đây là yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên cố gắng, nỗ lực học tập nhằm tiếp thu tri thức, rèn luyện kỹ năng và thái độ nghề nghiệp trong tương lai trở thành người lao động đáp ứng với yêu cầu của xã hội.

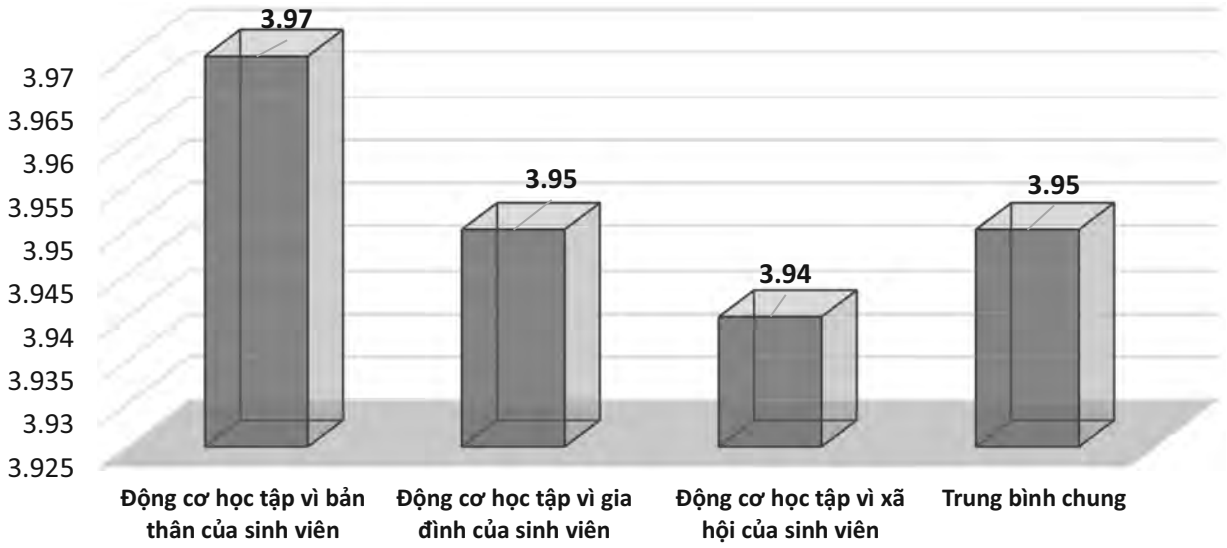

Hình 1. Biểu đồ nhóm các động cơ học tập của sinh viên

Nhằm tìm hiểu và phân tích sâu hơn về động cơ học tập của sinh viên để từ đó có những kiến nghị phù hợp giúp sinh viên hình thành và phát triển động cơ học tập. Chúng tôi tiến hành so sánh tìm hiểu sự khác biệt về động cơ học tập theo các biến nhân khẩu của sinh viên về: Giới tính; Năm học của sinh viên; Kết quả học tập của sinh viên; Kết quả xếp loại hạnh kiểm của sinh viên; Hoàn cảnh kinh tế của gia đình của sinh viên; Nới sinh ra và lớn lên của sinh viên; Khối ngành sinh viên theo học.

Từ kết quả nghiên cứu và phân tích dữ liệu ở Bảng 2 cho thấy, Biến nhân khẩu về Kết quả học tập của sinh viên; Hoàn cảnh kinh tế của gia đình của sinh viên; Nơi sinh ra và lớn lên của sinh viên không có sự khác biệt về động cơ học tập ($p > 0.05$). Có sự khác biệt ($p < 0.05$) về động cơ học tập theo biến nhân khẩu: Giới tính; Năm học của sinh viên; Kết quả xếp loại hạnh kiểm của sinh viên; Khối ngành sinh viên theo học.

Bảng 2. So sánh động cơ học tập của sinh viên theo các biến nhân khẩu

STT	Các biến nhân khẩu		ĐTB	ĐLC	F	p	Sự khác biệt
1	Giới tính	1. Nam	3.71	1.28	13.47	0.000	2>1
		2. Nữ	4.07	0.89			
2	Năm học của sinh viên	1. Năm 1	3.87	1.13	4.60	0.001	3;2>1>4;5
		2. Năm 2	4.32	0.57			2>1;3;4;5
		3. Năm 3	4.04	0.93			2>3>1;4;5
		4. Năm 4	3.53	1.13			1;2;3>4>5
		5. Năm 5	1.00				1;2;3;4>5
3	Kết quả xếp loại hạnh kiểm của sinh viên	1. Yếu	3.49	1.57	3.25	0.012	2;3;4;5>1
		2. Trung bình	3.85	1.16			4;5>2>1;3
		3. Khá	3.78	1.13			2;4;5>3>1
		4. Tốt	4.07	0.87			5>4>1;2;3
		5. Xuất sắc	4.11	1.04			5>1;2;3;4
4	Khối ngành sinh viên theo học	1. Khối ngành Khoa học kỹ thuật	3.98	1.16	3.39	0.034	2>1>3
		2. Khối ngành Sức khỏe	4.10	0.92			2>1;3
		3. Khối ngành Khoa học xã hội	3.82	1.10			1;2>3

- Xét theo biến giới tính của sinh viên cho thấy, sinh viên nữ (ĐTB = 4.07) có động cơ học tập cao hơn sinh viên nam (ĐTB = 3.71).
- Đối với biến năm học của sinh viên cho thấy sinh viên năm 2 (ĐTB = 4.32) và sinh viên năm 3 (ĐTB = 4.04) có động cơ học tập cao hơn sinh viên năm 1

(ĐTB = 3.87), sinh viên năm 4 (ĐTB = 3.53) và sinh viên năm 5 (ĐTB = 1.00).

- Khi xem xét theo biến kết quả xếp loại hạnh kiểm của sinh viên cũng cho thấy, sinh viên có hạnh kiểm xuất sắc (ĐTB = 4.11) và tốt (ĐTB = 4.07) có động cơ học tập cao hơn sinh viên có hạnh kiểm khá (ĐTB = 3.78), trung bình (ĐTB = 3.85) và yếu (ĐTB = 3.49).
- Xét theo biến khối ngành sinh viên theo học cho thấy, sinh viên khối ngành sức khỏe (ĐTB = 4.10) có động cơ học tập cao hơn sinh viên khối ngành khoa học kỹ thuật (ĐTB = 3.98) và sinh viên khối ngành khoa học xã hội (ĐTB = 3.82). Để giải thích cho điều này, có thể sinh viên khối ngành sức khỏe hiện đang theo học tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng phải đóng học phí học cao hơn gấp 2 đến 3 lần sinh viên các khối ngành học khác, vì vậy ngay từ đầu các em đã xác định động cơ học tập thích hợp với mức độ cao.

Từ kết quả so sánh sự khác biệt về động cơ học tập của sinh viên cho thấy, các cấp quản lý sinh viên của Nhà trường cần có các hoạt động ưu tiên tác động vào khách thể là sinh viên nam, sinh viên có hạnh kiểm yếu, trung bình, khá và sinh viên khối ngành Khoa học xã hội, khối ngành Khoa học kỹ thuật nhằm giúp nâng cao động cơ học tập cho sinh viên.

3.2. Biểu hiện động cơ học tập của sinh viên

3.2.1. Nhóm động cơ học tập vì bản thân của sinh viên

Qua phân tích dữ liệu được thể hiện ở Bảng 3 cho thấy, động cơ học tập vì bản thân của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng được xếp theo thứ bậc như sau: có kiến thức (thứ bậc 1), làm việc hiệu quả trong tương lai (thứ bậc 2), có việc làm ổn định (thứ bậc 3), đối nhân xử thế (thứ bậc 4),thành người có ích cho bản thân (thứ bậc 5), không phải vất vả sau này (thứ bậc 6), sống đúng ý nghĩa của cuộc sống (thứ bậc 7), khẳng định bản thân (thứ bậc 8).

Dữ liệu phân tích cho thấy có sự khác biệt so với kết quả nghiên cứu về động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học sư phạm TP.HCM cho thấy, động cơ có kiến thức (thứ bậc 1), có việc làm ổn định (thứ bậc 2), sống đúng ý nghĩa của cuộc sống (thứ bậc 3), làm việc hiệu quả trong tương lai (thứ bậc 4), khẳng định bản thân (thứ bậc 5), đối nhân xử thế (thứ bậc 6), không phải vất vả sau này (thứ bậc 7), và thành người có ích cho bản thân (thứ bậc 8) [8].

Bảng 3. Biểu hiện của động cơ học tập vì bản thân của sinh viên

Tôi đi học để	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Có kiến thức	8.9	1.0	6.5	40.9	42.7	**4.07**	1.15	1
Khẳng định bản thân	8.5	4.7	16.9	39.4	30.5	3.79	1.18	8
Sống đúng ý nghĩa của cuộc sống	8.9	3.7	14.4	42.1	30.9	3.82	1.17	7
Thành người có ích cho bản thân	7.7	2.0	10.6	42.5	37.2	**3.99**	1.12	5
Làm việc hiệu quả trong tương lai	7.9	1.2	7.7	42.7	40.4	**4.07**	1.11	2
Có việc làm ổn định	8.5	1.6	9.8	39.8	40.2	**4.02**	1.15	3
Đối nhân xử thế	7.7	2.4	10.4	40.0	39.4	**4.01**	1.14	4
Không phải vất vả sau này	8.1	2.2	11.8	40.0	37.8	3.97	1.15	6

Như vậy, động cơ học tập của của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng vừa mang tính cá nhân "Có kiến thức" và mang tính xã hội "Làm việc hiệu quả trong tương lai" tức là thích ứng với sự thay đổi và biến động trong xã hội. Có thể thấy động cơ học tập của sinh viên vừa mang tính cá nhân và mang tính xã hội bước đầu giúp các em định hướng được cách thức, con đường và hình thành động lực trong học tập cho sinh viên một cách đúng đắn.

3.2.2. Nhóm động cơ học tập vì gia đình của sinh viên

Bảng 4 cho thấy, động cơ học tập vì gia đình của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng được xếp theo thứ bậc như sau: giúp đỡ gia đình (thứ bậc 1), đền

đáp công ơn của cha mẹ (thứ bậc 2), giáo dục con cái đầy đủ hơn (thứ bậc 3), thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại (thứ bậc 4), làm gương cho các em (thứ bậc 5).

Bảng 4. Biểu hiện nhóm động cơ học tập vì gia đình của sinh viên

Tôi đi học để	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Giúp đỡ gia đình	9.1	1.2	9.8	39.0	40.9	**4.01**	1.17	1
Đền đáp công ơn của cha mẹ	8.9	2.2	9.6	39.8	39.4	**3.99**	1.18	2
Làm gương cho các em	11.0	3.0	13.8	40.2	31.9	3.79	1.23	5
Giáo dục con cái đầy đủ hơn	8.3	1.8	10.8	40.2	38.8	**3.99**	1.15	3
Thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại	8.9	3.5	11.4	39.2	37.0	**3.92**	1.19	4

Như vậy những động cơ của sinh viên thuộc nhóm vì gia đình cho thấy, sinh viên đã biết hướng động cơ học tập của bản thân theo chiều hướng có trách nhiệm với gia đình hiện tại "Giúp đỡ giã đình", "đến đáp công ơn cha mẹ" và cho gia đình của các nhân trong tương lai như: Giáo dục con cái trong đầy đủ hơn" sau này và thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại để có cuộc sống tương lai tốt đẹp hơn. Những động cơ này sẽ là động lực thôi thúc các bạn sinh viên cố gắng trong học tập.

3.2.3. Nhóm động cơ học tập vì xã hội của sinh viên

Từ kết quả nghiên cứu Bảng 5 cho thấy, động cơ học tập vì bản thân của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng được xếp theo thứ bậc sau: hiểu biết con người đầy đủ hơn (thứ bậc 1), thành người có ích cho xã hội (thứ bậc 2), đóng góp vào xã hội (thứ bậc 3), bắt kịp với sự tiến bộ của xã hội (thứ bậc 4), làm một cái gì đó cho đất nước (thứ bậc 5), làm cái gì đó xã hội cần (thứ bậc 6), khẳng định mình trong xã hội (thứ bậc 7).

Bảng 5. Động cơ học tập vì xã hội của sinh viên

Tôi đi học để	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Đóng góp vào xã hội	8.3	1.4	11.4	43.5	35.4	**3.96**	1.13	3
Làm một cái gì đó cho đất nước	8.7	2.0	14.4	40.7	34.1	3.89	1.16	5
Làm ngành nghề xã hội cần	8.3	2.6	14.4	41.5	33.1	3.88	1.15	6
Thành người có ích cho xã hội	8.3	1.2	12.6	41.9	36.0	**3.96**	1.13	2
Khẳng định mình trong xã hội	9.3	3.0	14.4	39.2	33.9	3.85	1.19	7
Bắt kịp với sự tiến bộ của xã hội	8.7	2.4	11.6	40.4	36.8	**3.94**	1.17	4
Hiểu biết con người đầy đủ hơn	7.9	1.2	10.4	41.1	39.4	**4.03**	1.12	1

Theo mục tiêu học tập do tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) đã đưa ra là: học để biết, học để làm, học để chung sống và học để khẳng định bản thân. Như vậy, sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đã xác định những động cơ học tập phù hợp nhằm giúp cho bản thân có động lực học tập nhằm giúp bản thân có "hiểu biết con người đầy đủ" để chung sống với mọi người và để khẳng định bản thân "thành người có ích cho xã hội" và có những "đóng góp cho xã hội. Điều này có thể thấy động cơ học tập của sinh viên là đúng đắn và đầy đủ ở mức độ cao, đây là tiền đề giúp sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện trở thành người lực lượng lao động có ích và đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

4. KẾT LUẬN

Để nâng cao chất lượng học tập đòi hỏi sinh viên phải có động cơ học tập đúng đắn. Điều này có nghĩa là sinh viên cần học để nâng cao tri thức, phát triển nhân cách, có năng lực và đạo đức nghề nghiệp,... đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và những chuẩn mực do xã hội đặt ra. Động cơ học tập là yếu tố mà có nó người học sẽ nỗ lực và chủ

động trong quá trình học nhằm đạt mục tiêu là sự tiến bộ và kết quả học tập tốt. Động cơ học tập đóng vai trò rất quan trọng vì nó định hướng và là động lực cho hoạt động học tập, là nguyên nhân trực tiếp giúp sinh viên duy trì hứng thú và vượt qua mọi khó khăn để đạt được mục đích đề ra. Động cơ học tập giúp phát triển tư duy phân tích, phê phán và khả năng tự chủ của người học. Động cơ học tập cũng là cơ sở để giải thích tại sao người học lại nhiệt tình, thích thú, tích cực và không cảm thấy áp lực khi tham gia các hoạt động học tập.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có động cơ học tập đúng đắn, đầy đủ và có mức độ cao. Các động cơ học tập của sinh viên hướng vào cá nhân và xã hội, điều này giúp sinh viên tích cực, chủ động trong học tập và rèn luyện hình thành nhân cách cho bản thân đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng của xã hội. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu còn cho thấy có sự khác biệt động cơ học tập theo các biến nhân khẩu của sinh viên về: Giới tính; Năm học của sinh viên; Kết quả học tập của sinh viên; Kết quả xếp loại hạnh kiểm của sinh viên; Hoàn cảnh kinh tế gia đình của sinh viên; Nơi sinh ra và lớn lên của sinh viên; Khối ngành sinh viên theo học. Nghiên cứu này đã hệ thống và phân tích định lượng các động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, từ đó giúp nhà quản lý giáo dục có các biện pháp, chương trình và hoạt động nhằm hình thành nâng cao mức độ động cơ học tập cho sinh viên, giúp sinh viên có học tập đúng đắn và phù hợp với bản thân, giúp sinh viên nâng cao hiệu quả học tập và kết quả đào tạo của Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Thanh Sơn, "Giáo dục mục đích, động cơ học tập cho sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ", *Thông tin khoa học Trường Đại học Yersin*, tr.9-13, 2013.

[2] Nguyễn Trọng Nhân và Trương Thị Kim Thủy, "Những nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên ngành Việt Nam học", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 2014.

[3] Nguyễn Thị Bình Giang & Dư Thống Nhất, "Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Bình Dương", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 34, tr. 46-55, 2014.

[4] Nguyễn Thanh Dân & Đoàn Văn Điều, "Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí Khoa học - Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, số 48, tr. 178-184, 2013.

[5] *Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục (theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (giai đoạn đánh giá: 2019-2023)

[6] N. J. Smelser, Comparative Methods in the Social Sciences, 1976.

[7] Lijphart, Comparative Politics and the Comparative Method, 1971.

[8] G. Whitmore, J. P. Fry, Soft Skills: Definition, Behavioral Model Analysis, Training Procedures, Professional, pp. 3-74, 1974.

Student learning motivation at Hong Bang International University

Trinh Viet Then

ABSTRACT

This study aims to explore the learning motivation of students at Hong Bang International University. The main method used in the research is the questionnaire survey, and in-depth interviews were also used to analyze the research results, with 492 students participating in the survey. The research results show that, in general, the learning motivation of students is high, with personal learning motivation being the highest, followed by family and social learning motivations. The research results indicate differences in learning motivation based on students' demographic variables such as gender, academic year, conduct

assessment results, and field of study. Based on the research results, the author has made some recommendations to help enhance the learning motivation of students.

Keywords: *motivation, learning, learning motivation, student learning motivation*

Received: 15/05/2024
Revised: 21/07/2024
Accepted for publication: 23/07/2024